

Số: 624/BC-UBND

Kbang, ngày 22 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 2 về giao thông Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới năm 2021 và kế hoạch thực hiện năm 2022

Kính gửi: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Gia Lai.

Thực hiện nội dung Công văn số 2659/SGTVT-QLKCHTGT ngày 17/11/2021 của Sở Giao thông Vận tải V/v báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 2 về giao thông Chương trình MTQG XD nông thôn mới năm 2021 và kế hoạch thực hiện năm 2022. UBND huyện Kbang báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 2 về giao thông Chương trình MTQG XD nông thôn mới năm 2021 và kế hoạch thực hiện năm 2022 cụ thể như sau:

1. Tình hình thực hiện tiêu chí số 2 về giao thông:

(Có phụ lục biểu mẫu số 01 kèm theo)

2. Những tồn tại, hạn chế đối với việc thực hiện tiêu chí số 2 (giao thông).

- Nguồn vốn do Trung ương, cấp tỉnh bố trí, phân bổ về cho huyện còn hạn chế nên đầu tư một số tuyến đường huyện, đường trục xã, thôn làng, đường nội đồng chỉ đầu tư xây dựng cứng hóa mặt đường. Chưa được chú trọng đầu tư hoàn thiện cứng hóa lề đường và hệ thống thoát nước một trong những nguyên nhân dẫn đến làm giảm tuổi thọ công trình.

- Hãng năm nguồn kinh phí bố trí cho việc duy tu bảo dưỡng công trình giao thông còn hạn chế nên sau khi các công trình được đầu tư và đưa vào sử dụng không được bảo trì, duy tu sửa chữa kịp thời và thường xuyên dẫn đến làm giảm tuổi thọ công trình.

- Nguồn kinh phí còn hạn chế nên việc đầu tư đối với một số tuyến đường Nội đồng (đi khu sản xuất) được đầu tư nền đường cấp phối (đất đồi) cứng hoá coi như đạt chuẩn theo tiêu chí. Tuy nhiên qua 1 đến 2 năm đưa vào sử dụng xuất hiện hư hỏng nặng như nền đường (bị xói lở, tạo nhiều ổ gà, ổ voi,...) đường thường xuyên lầy lội vào mùa mưa.

- Trên địa bàn huyện đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn đặc biệt là người đồng bào dân tộc Banhar, các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn huyện chủ yếu là doanh nghiệp có quy mô nhỏ nên việc huy động ủng hộ vốn gặp nhiều khó khăn. Phần đóng góp theo hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” từ phía người dân chủ yếu vẫn chỉ là hiến đất và đóng góp ngày công lao động,

3. Kế hoạch thực hiện tiêu chí số 02 (giao thông) năm 2022:

Phát triển hạ tầng giao thông là yếu tố nền tảng quan trọng tạo động lực thúc

đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần vào hoàn thành chỉ tiêu trong xây dựng nông thôn mới, lãnh đạo huyện chỉ đạo các xã chủ động huy động các nguồn vốn tập trung đầu tư của Nhà nước và vốn trong nhân dân để xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hạ tầng giao thông.

UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã rà soát, đăng ký danh mục các tuyến đường cần thiết để đầu tư thông qua nhiều nguồn vốn như Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương thực hiện theo hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. trong năm 2022. Trong đó :

- Dự kiến thực hiện 61,7km đường trục thôn và đường nội đồng.
- Kinh phí dự kiến : 53.765 Triệu đồng.

(Có phụ lục biểu mẫu số 02 kèm theo)

4. Kiến nghị:

Đề nghị Sở Giao thông Vận tải quan tâm tham mưu UBND tỉnh Gia Lai phân bổ nguồn vốn để huyện Kbang thực hiện đầu tư một số nội dung sau:

- Đầu tư đồng bộ hoàn thiện cứng hóa lề đường và hệ thống thoát nước các công trình giao thông để tăng tuổi thọ của công trình.

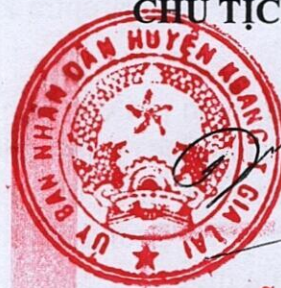
- Bổ sung Kinh phí duy tu bảo dưỡng công trình hằng năm để kịp thời duy tu sửa chữa hệ thống giao thông nhằm đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân được an toàn, êm thuận, xuyên suốt, hạn chế thấp nhất tai nạn giao thông.

Ủy ban nhân dân huyện Kbang báo cáo Sở Giao thông Vận tải tỉnh Gia Lai xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT UBND huyện;
- Phòng KT&HT;
- Văn phòng ĐP NTM huyện;
- Lưu VT, VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

TỔNG HỢP TÀI CHÍ GIAO THÔNG CHƯƠNG TRÌNH MŨC XÂY DỰNG NTM THÁNG 12 NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 624/BC-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện Khang)

STT	Địa danh	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm				2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm				2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lấy lợi vào mùa mưa				2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm				Đánh giá chung
		Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%		Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$		Đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa $\geq 50\%$		Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$										
		Hiện trạng		Đánh giá	Hiện trạng		Đánh giá	Hiện trạng		Đánh giá	Hiện trạng		Đánh giá					
Tổng số Km	Số Km hoàn thành	Tỷ lệ %	Tổng số Km		Số Km hoàn thành	Tỷ lệ %		Tổng số Km	Số Km hoàn thành		Tỷ lệ %	Tổng số Km		Số Km hoàn thành	Tỷ lệ %			
I KBANG																		
1	Xã Sơn Lang	12,85	12,85	100,00	Đạt	12,40	12,40	100,00	Đạt	0,00	0,00	100,00	Đạt	21,40	18,20	85,05	Đạt	Đạt
2	Xã Nghĩa An	2,96	2,96	100,00	Đạt	12,71	11,59	91,19	Đạt	3,98	3,98	100,00	Đạt	26,40	25,91	98,14	Đạt	Đạt
3	Xã Đông				Đạt	18,95	17,04	89,94	Đạt	2,60	2,60	100,00	Đạt	24,55	20,25	82,48	Đạt	Đạt
4	Xã Đắk Smar	5,10	5,10	100,00	Đạt	5,06	5,06	100,00	Đạt	0,00	0,00	100,00	Đạt	12,33	11,33	91,89	Đạt	Đạt
5	Xã Sơ Pài	9,49	9,49	100,00	Đạt	17,60	13,07	74,26	Đạt	0,00	0,00	100,00	Đạt	11,90	9,24	77,61	Đạt	Đạt
6	Xã Lơ Ku	34,00	34,00	100,00	Đạt	8,05	7,07	87,83	Đạt	0,00	0,00	100,00	Đạt	46,15	34,25	74,21	Đạt	Đạt
7	Xã Kông Long Khong	12,16	12,16	100,00	Đạt	7,43	7,13	95,96	Đạt	0,00	0,00	100,00	Đạt	60,60	44,20	72,94	Đạt	Đạt
8	Xã Tơ Tung	12,25	12,25	100,00	Đạt	8,70	8,28	95,22	Đạt	1,00	1,00	100,00	Đạt	33,42	26,01	77,83	Đạt	Đạt
9	Xã Kông Bô La	6,80	6,80	100,00	Đạt	10,36	9,81	94,69	Đạt	0,00	0,00	100,00	Đạt	18,23	14,53	79,70	Đạt	Đạt
10	Xã Kon Phe	9,90	9,90	100,00	Đạt	3,29	3,29	100,00	Đạt	0,00	0,00	100,00	Đạt	4,75	4,75	100,00	Đạt	Đạt
11	Xã Dak trong	24,88	24,88	100,00	Đạt	16,30	14,51	89,02	Đạt	0,00	0,00	100,00	Đạt	19,20	13,70	71,35	Đạt	Đạt
12	Xã ĐắkHlor	5,45	5,45	100,00	Đạt	8,28	8,15	98,43	Đạt	15,56	15,56	100,00	Đạt	13,35	10,55	79,03	Đạt	Đạt
13	Xã Krong	15,50	15,50	100,00	Đạt	10,84	10,84	100,00	Đạt	0,00	0,00	100,00	Đạt	37,40	34,50	92,25	Đạt	Đạt
Tổng cộng		151,34	151,34		13	139,97	128,24		13	23,14	23,14		13	329,68	267,42		13	13

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ GIAO THÔNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022**
(Kèm theo Báo cáo số 627 /BC-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Kbang)

TT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Kế hoạch thực hiện đến 31/12/2021		Kế hoạch năm 2022		Ghi chú
			Khối lượng	Tổng số	Khối lượng	Tổng số	
	Giao thông nông thôn						
1	Đường huyện	km			6,5	15000	
2	Đường trục xã	km					
3	Đường trục thôn, làng	km	4,555	4079	11,3	11980,0	
4	Đường ngõ xóm	km					
5	Đường nội đồng	km	5,83	6454	43,9	26785,0	
6	Cầu, cống,...	cái					
			10,385	10533	61,7	53765	